

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HN&GD-ST

Ngày: 11/01/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Bà Đinh Thị Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2022/TLST-HN&GD, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTL, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Xóm A, thôn PS, xã NK, huyện TN, tỉnh QN.

2. *Bị đơn:* Anh HVĐ, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số B, đường NGT, khu phố B1, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 17/10/2022, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị NTL thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh HVD tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 109/2014, ngày 01/10/2014. Sau quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng, không cùng quan điểm không thể hòa giải. Dần về sau mâu thuẫn càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Cả hai đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Đ nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Đ có với nhau 02 người con chung tên: HVP, sinh ngày: 31/01/2015 và HTNY, sinh ngày: 17/6/2017. Chị yêu cầu giải quyết được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đồng thời chị yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi người con là 1.500.000đ/tháng, tổng 02 con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/10/2022, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản khai ngày 09/11/2022, bị đơn anh HVD cũng đã trình bày cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh với chị L không có hạnh phúc, anh chấp nhận giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung anh đồng ý giao cho chị L được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung tên: HVP, sinh ngày: 31/01/2015 và HTNY, sinh ngày: 17/6/2017. Đồng thời anh cũng đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L, cụ thể anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi người con là 1.500.000đ/tháng, tổng 02 con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết. Đồng thời anh cũng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, hai người đã sống riêng. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn, đồng thời anh Đ cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn.

Về con chung: Vì anh Đ đồng ý giao các con chung tên: HVP, sinh ngày: 31/01/2015 và HTNY, sinh ngày: 17/6/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện các cháu đang ở với mẹ, chị L tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng các cháu nên giao cháu P và cháu Y cho chị L nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 17/10/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện DL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, cả nguyên đơn cũng như bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Chị NTL và anh HVĐ có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện DL. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng, cho nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay, trong thời gian đó chị L, anh Đ không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Hiện chị L đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh Đ nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Từ đó

cho thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị L yêu cầu giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên: HVP, sinh ngày: 31/01/2015 và HTNY, sinh ngày: 17/6/2017.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị L là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Hiện các cháu Phát và Y đang sống với chị L ổn định và tuổi còn rất nhỏ, các cháu đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Đồng thời anh Đ cũng đồng ý để chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tại phiên tòa.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTL yêu cầu anh HVĐ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng chị L yêu cầu cho mỗi người con là 1.500.000/tháng. Đồng thời anh Đ cũng chấp nhận cấp dưỡng là mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L. Do vậy, HĐXX thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cũng như mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Cả chị L và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NTL là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh HVĐ là người phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị NTL và anh HVĐ là vụ án Hôn nhân và gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị L thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét Y kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị NTL.

1. Về hôn nhân: Chị NTL ly hôn anh HVD.

2. Về con chung: Giao cho chị NTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung có tên: HVP, sinh ngày 31/01/2015 và HTNY, sinh ngày: 17/6/2017.

Anh HVD có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị NTL có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh HVD trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh HVD phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị NTL. Mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.500.000 đồng/tháng, tổng cộng cho 02 người con là 3.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng hàng tháng, từ tháng 02/2023 cho đến khi cháu P và cháu Y trưởng thành.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị NTL có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho

đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị NTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012487, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh HVĐ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL, tỉnh BT.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND thị trấn Võ Xu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

